

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số nội dung trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 03 tháng 7 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 48/TTr-KH&ĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc ban hành Quy định một số nội dung trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Trưởng Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng chỉ đạo hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực thuộc thành phố triển khai Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố HP;
- UBND TP;
- Các Sở: Tư pháp, KH&ĐT;
- BQL KKT Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- Báo HP, Đài PT&TH HP;
- CP: XDGT&CT, TCNS, VX, NNTN&MT, NC&KTGS;
- Lưu: VT, QH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Một số nội dung trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 50 /2024/QĐ-UBND ngày 17 / 12 /2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng với vai trò của các chủ thể quy định tại khoản 6 Điều 97 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ (trừ vai trò là chủ chương trình, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng), bao gồm các nội dung:

a) Phân công đơn vị đầu mối và đơn vị phối hợp thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố; giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố; giám sát, đánh giá dự án do thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; giám sát, đánh giá dự án PPP trên địa bàn thành phố; giám sát dự án theo quy định pháp luật chuyên ngành.

b) Quy định việc phối hợp thực hiện trong giám sát đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát đánh giá đầu tư tại Quy định này.

2. Các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; cách thức, trình tự thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; xử lý kết quả và xử lý vi phạm trong giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành của thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan đến hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Nguyên tắc phân công và phối hợp thực hiện trong giám sát, đánh giá đầu tư

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư.
2. Bảo đảm công tác tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng được thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả.
3. Việc phân công, phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định. Xác định rõ trách nhiệm của đơn vị đầu mối, đơn vị phối hợp và các cơ quan có liên quan trong thực hiện giám sát đánh giá đầu tư.
4. Việc phối hợp, cung cấp thông tin liên quan đến giám sát, đánh giá đầu tư phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản và bằng các phương tiện thông tin, liên lạc khác trong trường hợp cấp thiết.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Giám sát, đánh giá chương trình đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá chương trình đầu tư công cấp thành phố của các chủ thể: cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 43 và quy định tại các điều 45, 47, 49 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.
2. Sở chuyên ngành quản lý chương trình thực hiện đánh giá tác động của chương trình theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
3. Nội dung phân công chi tiết thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá chương trình đầu tư công tại *Phụ lục 1* kèm theo.

Điều 5. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư công cấp thành phố của các chủ thể: cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 50 và quy định tại các điều 52, 53, 55 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
2. Các Sở quản lý chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại Điều 54 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực của dự án thực hiện nhiệm vụ đánh giá tác động các dự án thuộc lĩnh vực Sở quản lý theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

4. Nội dung phân công chi tiết thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư công tại *Phụ lục 2* kèm theo.

Điều 6. Giám sát, đánh giá dự án PPP

1. Sở chuyên ngành quản lý lĩnh vực dự án PPP là đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án PPP của các chủ thể: cơ quan ký kết hợp đồng dự án, cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền phê duyệt dự án, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại Điều 56, khoản 2 Điều 57 và quy định tại các điều 58, 59, 61 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành thực hiện giám sát dự án PPP theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại Điều 60 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực của dự án thực hiện nhiệm vụ đánh giá giữa kỳ, đánh giá đột xuất, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

4. Nội dung phân công chi tiết thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án PPP tại *Phụ lục 3* kèm theo.

Điều 7. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công cấp thành phố của các chủ thể: cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 62 và quy định tại các điều 64, 65, 66, 68 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại Điều 67 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực của dự án thực hiện nhiệm vụ đánh giá tác động các dự án thuộc lĩnh vực Sở quản lý theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ khi cần thiết.

4. Nội dung phân công chi tiết thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công tại *Phụ lục 4* kèm theo.

Điều 8. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư sử dụng vốn khác

1. Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng là đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn khác trong các khu công nghiệp, khu kinh tế của thành phố của chủ thể cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 69; các điều 71, 72, 73, 74 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn khác ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế của thành phố của các chủ thể: cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 69; các điều 71, 72, 74 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại các điều 67, 73 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

4. Nội dung phân công chi tiết thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư sử dụng vốn khác tại *Phụ lục 5* kèm theo.

Điều 9. Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư thành phố các chủ thể: cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 81; các điều 82, 83, 84 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Ủy ban nhân dân thành phố qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn) trước ngày 25 tháng 02 năm sau để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định. Thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực dự án có trách nhiệm giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực Sở quản lý trên cơ sở giám sát dự án đầu tư theo pháp luật chuyên ngành và đánh giá tác động của chương trình, dự án được phân công theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7 Quy định này theo các nội dung quy định tại các điều 82, 83, 84 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo theo mẫu tại *Phụ lục 6* kèm theo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn)

trước ngày 10 tháng 02 năm sau để tổng hợp, báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố theo quy định. Thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng có trách nhiệm giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư các dự án theo phân công quy định tại các điều 8 Quy định này theo nội dung quy định tại các Điều 82, 83, 84 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn) trước ngày 10 tháng 02 năm sau để tổng hợp, báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố theo quy định. Thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư các chương trình, dự án trong phạm vi quản lý theo nội dung quy định tại các điều 82, 83, 84 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn) trước ngày 10 tháng 02 năm sau để tổng hợp, báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố theo quy định. Thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện nhiệm vụ giám sát đầu tư của cộng đồng theo nội dung quy định tại Điều 86, 87 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP, định kỳ hàng năm báo cáo theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn) trước ngày 20 tháng 02 năm sau để tổng hợp, báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố theo quy định. Thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 10. Cơ chế phối hợp giữa các Sở quản lý chuyên ngành với đơn vị đầu mối trong giám sát, đánh giá đầu tư

1. Nội dung giám sát, đánh giá chương trình đầu tư công, dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: các Sở quản lý chuyên ngành định kỳ hàng năm báo cáo theo mẫu *Phụ lục 6* kèm theo trước ngày 10 tháng 02 hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, đồng gửi đơn vị đầu mối giám sát, đánh giá đầu tư qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống

quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn) về kết quả thực hiện giám sát dự án đầu tư theo pháp luật chuyên ngành. Thời gian chốt số liệu báo cáo hằng năm đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Nội dung giám sát, đánh giá dự án PPP: các Sở quản lý chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hằng năm báo cáo theo mẫu *Phụ lục 6* kèm theo trước ngày 10 tháng 01 hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, đồng gửi đơn vị đầu mối giám sát, đánh giá đầu tư qua dịch vụ bưu chính công hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản (qlvb.hpnet.vn) về kết quả thực hiện giám sát dự án đầu tư. Thời gian chốt số liệu báo cáo hằng năm đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Nội dung giám sát dự án sử dụng vốn khác: các Sở quản lý chuyên ngành thực hiện theo Quyết định số 58/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng và quy định tại Quy định này.

4. Các Sở quản lý chuyên ngành chủ động cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin theo đề nghị của đơn vị đầu mối về kết quả giám sát dự án đầu tư và xử lý vi phạm đối với chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án theo pháp luật chuyên ngành.

5. Các Sở quản lý chuyên ngành tham gia Đoàn Kiểm tra liên ngành trong trường hợp cơ quan đầu mối giám sát dự án đầu tư quyết định thành lập, thực hiện kiểm tra, đánh giá dự án khi cần thiết.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung được quy định tại Quy định này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng chỉ đạo hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực thuộc triển thực hiện công tác giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định tại Điều 74 Luật Đầu tư công, các điều 85, 86, 87 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và chế độ báo cáo giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định tại điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Căn cứ thẩm quyền, quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể áp dụng quy định tại Quy định này để tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

PHỤ LỤC 1
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG
(Kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	Giám sát đầu tư chương trình		
I.1	Nội dung theo dõi		
1	Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của chủ chương trình, chủ dự án thành phần thuộc chương trình theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình;		
-	Thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân;		
-	Khó khăn, vướng mắc, phát sinh ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình và kết quả xử lý.		
4	Việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ chương trình, chủ dự án thành phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
I.2	Nội dung kiểm tra		Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kiểm tra khi điều chỉnh chương trình làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.
1	Việc chấp hành quy định trong việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thuộc chương trình và quyết định điều chỉnh dự án thuộc chương trình (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Việc quản lý thực hiện chương trình của chủ chương trình và việc quản lý thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình của chủ dự án thành phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
3	Việc xử lý và chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
I.3	Giám sát dự án đầu tư thuộc chương trình đầu tư công		Thực hiện theo quy định về giám sát dự án đầu tư tại Phụ lục 2
II	Đánh giá chương trình đầu tư công		Nội dung đánh giá theo Điều 73 Luật Đầu tư công
1	Đánh giá theo kế hoạch, đánh giá đột xuất	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Đánh giá tác động	Sở chuyên ngành quản lý chương trình	

PHỤ LỤC 2
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG
(Kèm theo Quyết định số.50/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	Giám sát đầu tư dự án		
I.1	Nội dung theo dõi		
1	Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Chủ đầu tư, chủ sử dụng;		
2	Tổng hợp tình hình thực hiện dự án:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Tiến độ thực hiện; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư; giải ngân;		
-	Quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;		
-	Khó khăn, vướng mắc, phát sinh ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý.		
3	Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Việc chấp hành các biện pháp xử lý của:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Chủ đầu tư, chủ sử dụng;		
5	Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
I.2	Nội dung kiểm tra		Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.
1	Việc chấp hành quy định về:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Đầu tư và giám sát, đánh giá đầu tư;		

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
-	Đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường.		
2	Việc quản lý thực hiện dự án của:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Chủ đầu tư, ban quản lý dự án;		
3	Tiến độ thực hiện dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án của chủ sử dụng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của:	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, chủ sử dụng;		
I.3	Giám sát dự án đầu tư theo pháp luật chuyên ngành	Các sở quản lý chuyên ngành	Theo dõi dự án; kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất
II	Đánh giá dự án đầu tư công		Nội dung đánh giá theo Điều 73 Luật Đầu tư
1	Đánh giá theo kế hoạch, đánh giá đột xuất	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Khi cần thiết
2	Đánh giá tác động	Các sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	

PHỤ LỤC 3
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO
PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ
(Kèm theo Quyết định số.50/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	Giám sát đầu tư PPP		
I.1	Theo dõi, kiểm tra dự án		Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.
1	Việc công bố dự án; đàm phán, ký kết Hợp đồng dự án	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
2	Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất
3	Tình hình thực hiện Hợp đồng dự án với các nội dung sau:	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
-	Tiến độ thực hiện hợp đồng dự án theo các mốc thời gian;		
-	Tình hình thực hiện dự án đầu tư: tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc;		
-	Tình hình thực hiện huy động vốn đầu tư để thực hiện dự án (vốn nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay);		
-	Doanh thu thực tế của dự án; giá trị phần doanh thu tăng mà doanh nghiệp dự án chia sẻ với nhà nước (nếu có); giá trị phần doanh thu giảm mà Nhà nước đã hoặc dự kiến thanh toán cho doanh nghiệp dự án (nếu có);		
-	Dự báo về các chi phí phát sinh cho phía Nhà nước trong giai đoạn 03, 05 năm tới kể từ năm báo cáo;		
-	Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;		
-	Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.		

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
4	Kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết Hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
5	Kết quả kiểm định chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
6	Kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
7	Các nội dung khác theo yêu cầu của của Hội đồng nhân dân Thành phố	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
I.2	Giám sát dự án đầu tư theo pháp luật chuyên ngành	Các sở quản lý chuyên ngành	Theo dõi dự án; kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất
II	Đánh giá dự án PPP		Nội dung đánh giá theo Điều 73 Luật Đầu tư công
1	Đánh giá giữa kỳ	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
2	Đánh giá đột xuất	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
3	Đánh giá kết thúc	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	
4	Đánh giá tác động	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	

PHỤ LỤC 4
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ
NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

*(Kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	Giám sát đầu tư		
I.1	Nội dung theo dõi		
1	Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Tổng hợp tình hình thực hiện dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Tiến độ thực hiện; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư; giải ngân;		
-	Quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;		
-	Khó khăn, vướng mắc, phát sinh ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý.		
3	Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Tổng hợp tình hình thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của dự án theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Tổng hợp tình hình thực hiện các nội dung khác quy định tại quyết định đầu tư dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Việc chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
I.2	Nội dung kiểm tra		Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Việc chấp hành về quy định về: đầu thầu, đền bù GPMB, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Việc quản lý thực hiện dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Tiến độ thực hiện dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Việc thực hiện quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
5	Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	Chấp hành các quy định trong việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư dự án của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Chấp hành các quy định của pháp luật trong việc thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
9	Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
10	Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
I.3	Giám sát dự án đầu tư theo pháp luật chuyên ngành	Các sở quản lý chuyên ngành	Theo dõi dự án; kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất
II	Đánh giá dự án đầu tư (đối với dự án có quy mô từ nhóm B trở lên và dự án nhóm C khi cần thiết)		Nội dung đánh giá theo quy định tại Điều 73 Luật Đầu tư công
1	Đánh giá kế hoạch, đột xuất	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Đánh giá tác động	Sở quản lý chuyên ngành lĩnh vực dự án	Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B

PHỤ LỤC 5
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
SỬ DỤNG VỐN KHÁC
(Kèm theo Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	Giám sát đầu tư		
I.1	Nội dung theo dõi		
1	Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của:	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
-	Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế;		
-	Cơ quan đăng ký đầu tư.		
2	Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
3	Tổng hợp tình hình thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
4	Tổng hợp tình hình thực hiện dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
5	Việc chấp hành các biện pháp xử lý của:	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
-	Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế;		
-	Cơ quan đăng ký đầu tư.		
6	Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
I.2	Nội dung kiểm tra		
1	Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, CCN đăng ký đầu tư (nếu có).	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
2	Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư, trong đó có vốn vay và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
3	Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
4	Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
5	Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
6	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
7	Việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư theo các quy định của pháp luật	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
8	Quy định ưu đãi đối với dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
9	Việc giám sát, đánh giá và hỗ trợ đầu tư sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
10	Thực hiện chức năng cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	
I.3	Giám sát dự án đầu tư theo pháp luật chuyên ngành	Các sở quản lý chuyên ngành	Theo dõi dự án; kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất
II	Đánh giá dự án đầu tư		
1	Đánh giá đột xuất:	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Khi cần thiết
-	Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án so với mục tiêu đầu tư		
-	Mức độ hoàn thành khối lượng công việc so với quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)		
-	Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân		
-	Ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện dự án, khả năng hoàn thành mục tiêu của dự án		
-	Đề xuất và kiến nghị		

TT	Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
2	Đánh giá tác động:	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Khi cần thiết
-	Thực trạng việc khai thác, vận hành dự án;		
-	Tác động, hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án;		
-	Đề xuất và kiến nghị.		

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Quyết định số: 50 /2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐT

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư cấp thành phố

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Đơn vị đầu mối giám sát, đánh giá đầu tư.

Căn cứ quy định tại các Điều 54, 60, 67, 73 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; Điều 17 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố kèm theo Quyết định số 58/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố; Điều 10 Quy định phân công tổ chức giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư của thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của Ủy ban nhân dân thành phố,báo cáo về tình hình thực hiện công tác giám sát đánh giá đầu tư trong năm.....:

I. Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền.

1. Nêu các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo (số văn bản, ngày tháng ban hành, trích yếu văn bản).
2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư.

II. Tình hình quản lý quy hoạch (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

III. Kết quả giám sát, đánh giá chương trình đầu tư công

1. Tình hình thực hiện chương trình:

- Việc quản lý thực hiện chương trình: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết triển khai chương trình; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình;*

- Tình hình thực hiện chương trình: *tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình; giá trị khối lượng thực hiện;*

+ Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần;

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành:

- Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư/điều chỉnh chương trình.

- Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình;

- Việc lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán các dự án thành phần thuộc chương trình.

- Tình hình thực hiện các quy định về quy hoạch, sự phù hợp của dự án thành phần thuộc chương trình với quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất.

- Việc chấp hành quy định về xây dựng, bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản... của các dự án thành phần thuộc chương trình.

- Việc chấp hành quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất của các dự án thành phần thuộc chương trình

3. Đánh giá tác động, đánh giá hiệu quả chương trình.

4. Tình hình thực hiện các quy định khác (nếu có) của pháp luật chuyên ngành có liên quan đối với chương trình, các dự án thành phần thuộc chương trình.

IV. Kết quả giám sát, đánh giá dự án đầu tư công

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành:

- Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án.

- Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.

- Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu.

- Tình hình thực hiện các quy định về quy hoạch, sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất,

- Việc chấp hành quy định về xây dựng, bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản...

- Việc chấp hành quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.

2. Đánh giá tác động, đánh giá hiệu quả dự án.
3. Tình hình thực hiện các quy định khác (nếu có) của pháp luật chuyên ngành có liên quan đối với dự án.

V. Kết quả giám sát dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành:
 - Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán
 - Thực hiện các quy định về quy hoạch, sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất.
 - Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản...
 - Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và quyết định đầu tư Dự án.
 - Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
 - Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).
2. Tình hình thực hiện các quy định khác (nếu có) của pháp luật chuyên ngành có liên quan đối với dự án.

VI. Kết quả giám sát dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Tình hình thực hiện Dự án:
 - Tình hình xây dựng và công bố dự án.
 - Tổng hợp tình hình thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng dự án.
 - Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.
 - Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án.
 - Tình hình thực hiện quyết toán, khai thác, vận hành dự án.
 - Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (nếu có) và việc xử lý theo thẩm quyền.
2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án:
 - Thực hiện các quy định về quy hoạch, sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng đất,
 - Việc chấp hành quy định về xây dựng, bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản...
 - Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.
3. Tình hình thực hiện các quy định khác (nếu có) của pháp luật chuyên ngành có liên quan đối với dự án.

VII. Kết quả giám sát dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án:

- Việc cấp giấy phép xây dựng, các giấy phép, giấy chứng nhận khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Việc thực hiện quy định về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường, công nghệ, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản...
- Việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, về người lao động trong quá trình hoạt động đối với các dự án.

2. Kết quả thực hiện ưu đãi đầu tư cho các dự án.

3. Tình hình thực hiện các quy định khác (nếu có) của pháp luật chuyên ngành có liên quan đối với dự án.

VIII. Tình hình thực hiện công tác giám sát đầu tư của các chủ đầu tư/chủ sử dụng/nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết; nêu rõ tình hình thực hiện các dự án theo từng nguồn vốn).*

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

3. Kết quả kiểm tra dự án đầu tư trong kỳ.

- Số dự án được kiểm tra; mức độ đạt được so với kế hoạch *(kèm theo danh mục các dự án được người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra)*;

- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra các dự án.

4. Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo *(kèm theo danh mục các dự án dự kiến sẽ kiểm tra trong kỳ)*.

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.

- Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư.

IX. Các đề xuất và kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc của cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư theo từng nguồn vốn.

2. Kiến nghị Chính phủ, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế chính sách đối với công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư theo từng nguồn vốn.

- Đề xuất, kiến nghị Chính phủ, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ.

- Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)